

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NÔNG CỐNG  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ - ST

Ngày 13-4-2022

V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG - TỈNH THANH HOÁ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Kỳ Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Thiệu Khắc Yên

2. Bà Bùi Thị Vân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thu Thảo – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Văn Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 13/4/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 95/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXX-ST ngày 16 tháng 3 năm 2022 và Thông báo mở lại phiên tòa số 07/TB-TA ngày 31/3/2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Lê Thị C, sinh năm 1977.

ĐKKHKT: Thôn x, xã TV, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa

**- Bị đơn:** Anh Trần Văn T, sinh năm 1975.

ĐKKHKT: Thôn x, xã TV, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa vắng mặt chị C và anh T (Chị C có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt không có lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 12/4/2021, bản tự khai ngày 10/5/2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị C trình bày:*

*Về hôn nhân:* Chị Lê Thị C và anh Trần Văn T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 07/8/1998. Thời gian đầu sau khi kết hôn

vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 3 năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cuộc sống khó khăn, công việc không ổn định, anh T thường uống rượu và sử dụng bạo lực gia đình với chị. Mặc dù chị đã khuyên can nhiều lần và hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không giải quyết được. Vợ chồng mặc dù vẫn chung sống với nhau nhưng không trao đổi, không quan tâm gì đến nhau, tình cảm vợ chồng trở nên lạnh nhạt. Vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ sinh lý từ tháng 6 năm 2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Hiện nay, chị không có thai nghén gì. Xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy chị xin được ly hôn với anh Trần Văn T.

*Về con chung:* Vợ chồng có 03 con chung là Trần Quang H, sinh ngày 24/4/1999, Trần Minh T1, sinh ngày 22/5/2007 và Trần Minh K, sinh ngày 03/7/2018. Hiện nay, cháu H đã thành niên và có khả năng lao động, cháu T1 và cháu K đang ở với mẹ. Nguyên vọng của chị khi ly hôn là được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 và cháu K, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung:* không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm vắng mặt chị C nhưng chị C có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn anh T, đề nghị được chăm sóc nuôi dưỡng cháu T1 và cháu K sau khi ly hôn, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

\* *Đối với bị đơn anh Trần Văn T:* Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Trần Văn T. Anh T đã nhận thông báo thụ lý và Giấy triệu tập của Tòa án nhưng không đến Tòa án để làm việc và đi khỏi địa phương. Ngày 24/6/2021, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, Thanh Hóa đã đến nhà anh T phối hợp cùng tư pháp xã để làm việc nhưng anh T không có mặt ở nhà, Tòa án đã tiến hành làm việc với anh Trần Văn T2 là anh trai anh T, anh T2 cho biết sau khi anh T nhận Thông báo thụ lý và Giấy triệu tập của Tòa án đã đi làm ăn ở Bắc Ninh nhưng không rõ địa chỉ cụ thể ở đâu. Ngày 17/02/2022, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, Thanh Hóa phối hợp cùng với thôn trưởng thôn 8 (thôn Quỳnh Tiên), xã Tượng Văn và Tư pháp xã Tượng Văn đến tại nhà anh Trần Văn T làm việc, anh T có mặt ở nhà nhưng anh không làm việc và anh trình bày: đã biết việc chị C yêu cầu ly hôn với anh nhưng gia đình anh đang yên ổn nên anh không muốn ly hôn, còn tùy chị C muốn làm gì thì làm.

- *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:*

\* *Về tố tụng:*

- *Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư

cách tổ tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:* Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự:* Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa chị C có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với anh T chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật trong quá trình xây dựng hồ sơ và không có mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng anh vẫn vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị C và anh T theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

**\* Về nội dung:**

- *Về đường lối giải quyết vụ án:*

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; xử cho chị C được ly hôn anh T.

Về con chung: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao hai con chung chưa đến tuổi thành niên là Trần Minh T1, sinh ngày 22/5/2007 và Trần Minh K, sinh ngày 03/7/2018 cho chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị C không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết, dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự bằng vụ kiện dân sự khác.

- *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chị Lê Thị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Nông Cống nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Anh Trần Văn T có hộ khẩu thường trú tại Thôn x, xã TV, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa nên việc chị Lê Thị C yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa giải quyết việc ly hôn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và Điều 39 BLTTDS.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Văn T vắng mặt tại các buổi làm

việc, hòa giải và xét xử của Tòa án, vì vậy không tiến hành được phiên hòa giải giữa chị Lê Thị C và anh Trần Văn T thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 31/3/2022 Tòa án đã mở phiên tòa xét xử nhưng vắng mặt anh Trần Văn T, vì vậy phải hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa sơ thẩm vắng mặt anh Trần Văn T, tuy nhiên anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh T là đúng với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm vắng mặt chị Lê Thị C nhưng chị C đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên cần áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt chị C là đúng với quy định của pháp luật

[2] *Về nội dung:*

- Về hôn nhân: Anh Trần Văn T và chị Lê Thị C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TL, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa ngày 07/8/1998. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 3/2002 thì phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 06/2020 cho đến nay. Nay chị C xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T. Anh T xét thấy gia đình đang yên ổn nên xin được đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Trần Quang H, sinh ngày 24/4/1999, Trần Minh T1, sinh ngày 22/5/2007 và Trần Minh K, sinh ngày 03/7/2018. Hiện nay, cháu H đã thành niên và có khả năng lao động, cháu T1 và cháu K đang ở với mẹ. Nguyên vọng của chị C khi ly hôn là được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 và cháu K, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Xét yêu cầu về việc ly hôn của chị C và anh T thấy rằng:

Chị C và anh T kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có thời gian tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TL, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa ngày 07/8/1998, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do kinh tế khó khăn, anh T thường xuyên uống rượu và sử dụng bạo lực gia đình với chị C, nên tình cảm vợ chồng trở nên lạnh nhạt. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 02 năm 2020, không quan tâm đến nhau.

Quá trình giải quyết chị C vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị ly hôn với anh T. Về phía anh T có nguyện vọng mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng anh không đến Tòa án để làm việc và không đưa ra được phương án, biện pháp để xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc, chứng tỏ anh có ý thức bỏ mặc.

Vì vậy, HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung: Anh T và chị C có 03 con chung là Trần Quang H, sinh ngày 24/4/1999, Trần Minh T1, sinh ngày 22/5/2007 và Trần Minh K, sinh ngày 03/7/2018. Hiện nay, cháu H đã thành niên và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét, chị C có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu T1 và cháu K, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu của chị C thấy rằng: Hiện nay cháu T1 và cháu K đang ở với chị C và nguyện vọng của hai cháu cũng muốn được ở với chị C khi bố mẹ ly hôn. Vì vậy, cần giao cháu T1 và cháu K cho chị C trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với thực tế và tránh làm xáo trộn cuộc sống của cháu.

Về tài sản chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí: Chị Lê Thị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì những lẽ trên*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Lê Thị C được ly hôn anh Trần Văn T

2. *Về con chung*: Cháu Trần Quang H, sinh ngày 24/4/1999 đã thành niên và có khả năng lao động. Giao cháu Trần Minh T1, sinh ngày 22/5/2007 và Trần Minh K, sinh ngày 03/7/2018 cho chị Lê Thị C trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị C không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trần Văn T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cấm.

Vì quyền lợi của con, các bên đương sự có quyền khởi kiện về việc cấp dưỡng nuôi con chung và thay đổi việc nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung*: Dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

4. *Về án phí*:

Chị C phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị C đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2019/0002399 ngày 28/4/2021. Chấp nhận chị C đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị C và anh T. Chị C và anh T vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- UBND xã TL, NC;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

**Võ Kỳ Anh**